

CÔNG TY TNHH INTERWORLD NETWORK VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH INTERWORLD NETWORK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERWORLD NETWORK VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: INTERWORLD NETWORK VIET NAM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109242550

3. Ngày thành lập: 26/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 206 Đê La Thành, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Loại trừ đấu giá hàng hóa	4610
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn tân dược - Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính... - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính... - Bán thuốc thú y. (Theo Khoản 2, Điều 42 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016; Điều 37 Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế ngày 15/05/2016 - Sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 169/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế ngày 31/12/2018)	4649
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
7.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Loại trừ đấu giá	4690

8.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
9.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
10.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
11.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
12.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
13.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
14.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
15.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
16.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm; - Bán lẻ thuốc tân dược; - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016, Nghị định 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật dược ngày 08/05/2017; Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế ngày 15/05/2016 (Sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 169/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế ngày 31/12/2018)	4772
17.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
18.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong y tế, nha khoa cho mục đích chẩn đoán bệnh, chữa bệnh.	4659
20.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...;	4773
21.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
22.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620

23.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung (Theo khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 19 Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 và Điều 15 Thông tư 43/2014/TT-BYT quy định về quản lý thực phẩm chức năng (Sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế)	4632
24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm các loại Điều 15 Thông tư 43/2014/TT-BYT quy định về quản lý thực phẩm chức năng (Sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	4722
25.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
27.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
29.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
31.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
32.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).	5229
35.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
36.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
37.	Cổng thông tin	6312
38.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Loại trừ tư vấn tài chính, tư vấn kế toán, tư vấn pháp lý)	6619
39.	Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ tư vấn tài chính, tư vấn kế toán, tư vấn pháp lý)	7020
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
41.	Quảng cáo	7310
42.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
43.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
44.	Cho thuê xe có động cơ	7710

45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CAO THÁI HÙNG	Số nhà 41 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51.000.000.000	51,000	001085031005	
2	TRẦN SỸ CUÔNG	1 Ngõ 186 Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	49.000.000.000	49,000	035080001726	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CAO THÁI HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085031005

Ngày cấp: 22/08/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 41 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 41 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội